Tài liệu chỉ xem được một số trang đầu. Vui lòng download file gốc để xem toàn bộ các trang

NGND TRỊNH TRÚC LÂM

GS – TS KH NGUYỄN VĂN HỘ

ỨNG XỬ SƯ PHẠM

NHÀ XUẤT BẢN ĐẠI HỌC QUỐC GIA HÀ NỘI

Tài liệu chỉ xem được một số trang đầu. Vui lòng download file gốc để xem toàn bộ các trang

LỜI NÓI ĐẦU

Để nâng cao năng lực sư phạm cho giáo viên, việc đi sâu tìm hiểu những tri thức sư phạm là rất cần thiết, đặc biệt là hệ thống những tri thức và kỹ năng giao tiếp sư phạm trong hoạt động thường nhật của người giáo viên. Ở nước ta đã không ít các tác giả đề cập tới vấn đề này, từ các sách giáo khoa giảng dạy ở các bậc học(1) cho đến sách chuyên khảo và cả những cuốn sách mang tính ứng dụng trong các lĩnh vực hoạt động nghề nghiệp khác nhau(2).

Tuy nhiên, do tính chất đặc biệt đa dạng và tế nhị trong hoạt động giao tiếp, mỗi cuốn sách vẫn chỉ bao gồm một phần nhỏ trong tri thức và các kỹ năng có liên quan tới vấn đề. Cho dù như vầy, song trong thực tế, mỗi cuốn sách đã bổ sung thêm khả năng tư[1]duy sư phạm, tạo ra nhiều cơ sở khoa học cho các hoạt động thực tiễn của người làm công tác giáo dục. Với ý nghĩa đó của sự tìm kiếm, chúng tôi cũng cô gắng đưa ra một hệ thống kiến thức sư phạm về một bộ phận của hoạt động giao tiếp giữa chủ thể (giáo viên) với một chủ thể khác (học sinh) trong quá trình giải quyết các tình huống sư phạm, đó là hoạt động ứng xử. Những vấn đề mà chúng tôi đề cập tới trong cuốn sách sẽ không đi sâu tìm hiểu các cơ sở triết học, tâm lý học hoạt động ứng xử mà chủ yếu sẽ tập trung làm sáng tỏ bản chất của ứng xử trong giao tiếp giữa thầy và trò theo quan điểm hoạt đông và giáo dục, đồng thời cũng chỉ ra một số khó khăn mà giáo viên thường gặp phải khi giải quyết các tình huống sư phạm trong hoạt động ứng xử. Do giới hạn về kinh nghiệm, chúng tôi chỉ đề cập tới ứng xử sư phạm trong nhà trường PTTH, giữa thầy và trò trong hoạt động giáo dục và giáo dưỡng ở trường học.

Chắc chắn trong quá trình biên soạn cuốn sách, chúng tôi không tránh khỏi những khiếm khuyết về nội dung và hình thể tập thể tác giả chúng tôi mong được các bạn đọc và đồng nghiệp góp ý chúng tôi xin chân thành cảm ơn.

PGS - TSKH Nguyễn Văn Hộ

NGND PGS - TSKH Trịnh Trúc Lâm

---

(1) *Giao tiếp sư phạm.* PGS.PTS Ngô Công Hoàn - PGS. PTS Hoàng Anh (Giáo trình đào tạo giáo viên THCS Hệ CĐSP). NXB GD - 1998.

(2) *Giao tiếp và ứng xử sư phạm.* Ngô Công Hoàn (dùng cho GV mầm non). ĐHSP - ĐHQG Hà Nội - 1997; *Tâm lý học ứng xử* Lê Thị Bằng - Hải Vang, NXB GD - 1997.

Tài liệu chỉ xem được một số trang đầu. Vui lòng download file gốc để xem toàn bộ các trang

Phần I:
GIAO TIẾP VÀ ỨNG XỬ

Tài liệu chỉ xem được một số trang đầu. Vui lòng download file gốc để xem toàn bộ các trang

I. KHÁI NIỆM VỀ GIAO TIẾP

Trong cuộc sống, con người có nhiều nhu cầu hoạt động để tồn tại và phát triển. Có những nhu cầu mang tính sinh tồn như ăn, ở, sinh nở.v.v... song có những nhu cầu vượt ra khỏi tính bản năng của động vật đó là nhu cầu giao tiếp. Đành rằng ở động vật cao cấp, hành động giao tiếp vẫn tồn tại (nhu cầu sống với cha mẹ, bầy đàn), song chất lượng giao tiếp và phạm vi giao tiếp thì không một loài động vật nào có thể so sánh với con người. Để có được sự khác biệt này trong giao tiếp người khi so sánh với động vật là nhờ vào kết quả của sự phát triển xã hội. Con người trong quá trình hoàn thiện mình, một mặt phải thích ứng dần với tính đa dạng, phong phú và phức tạp của tự nhiên, mặt khác để có thể tồn tại và phát triển, phải có sự liên kết giữa các cá thể theo những chuẩn mực nhất định, chính trong quá trình liên kết này đã tạo nên tính xã hội của con người. Do đó có thể nói, cùng với lao động, hoạt động giao tiếp được coi là một trong những đặc trưng nổi bật, cơ bản tạo nên tính người, phản ánh bản chất của con người, vừa như là phương thức liên kết giữa con người với con người, giữa con người với tự nhiên, vừa như là kết quả của sự phát triển thế giới vật chất và của các mối quan hệ xã hội. Với ý nghĩa như vậy, hoạt động giao tiếp là nhu cầu tất yếu của mỗi người và toàn thể xã hội. Thông qua hoạt động giao tiếp mỗi cá nhân biểu hiện mình như một chủ thể, bộc lộ tính cách, kinh nghiệm sống và rộng hơn là cả nhân cách của một chủ thể.

Hoạt động giao tiếp mang tính xã hội - lịch sử. Nếu con người là một sản phẩm của sự phát triển lịch sử - xã hội thì theo đó, hoạt động giao tiếp của mỗi cá nhân cũng mang tính lịch sử cụ thể. Mỗi giai đoạn phát triển lịch sử được đặc trưng bởi các phương thức sản xuất nhất định, trong đó tồn tại những quan hệ sản xuất (mối quan hệ giữa con người với con người đối với sự chiếm đoạt, sở hữu, phân phối và sử dụng những cơ sở vật chất về tự nhiên và sản phẩm hoạt động) bên cạnh lực lượng sản xuất.

Mỗi cá nhân, tùy thuộc vào vị trí của mình trong xã hội, chịu sự ràng buộc về tư tưởng, điều kiện kinh tế, vị thế chính trị, học vấn.v.v... sẽ hình thành một hệ thống giao tiếp khác biệt so với người khác. Mỗi cộng đồng người, dưới ảnh hưởng của cùng một hệ tư tưởng, một hoàn cảnh kinh tế, một truyền thống văn hóa thường có những điểm chung trong hoạt động giao tiếp. Với cách hiểu như vậy, hoạt động giao tiếp trong bất cứ điều kiện xã hội, lịch sử nào cũng mang dấu ấn của giai cấp, tầng lớp truyền thống văn hóa nhất định. Mỗi cá nhân hoạt động trong những lĩnh vực hoạt động khác nhau điều kiện hoạt động và những yêu cầu của nghề nghiệp đặt ra cho mỗi cá nhân là cơ sở để hình thành những đặc điểm giao tiếp mang tính nghề nghiệp.

Hoạt động giao tiếp còn mang đậm sắc thái tâm lý của chủ thể. Những yếu tố về khí chất, vốn sông, thói quen lứa tuổi, giới tính và những nét tính cách của mỗi người tạo nên sự phong phú riêng biệt trong giao tiếp giữa người này với người khác.

Đã nói tới giao tiếp là nói tới một hoạt động xảy ra giữa người này với người khác trong một quan hệ xã hội nhất định. Chúng ta có thể kể tới một số mối quan hệ xã hội

Tài liệu chỉ xem được một số trang đầu. Vui lòng download file gốc để xem toàn bộ các trang

thường thấy, trong đó diễn ra các hoạt động giao tiếp, đó là: Mối quan hệ huyết thống giữa những người trong một dòng họ, một gia đình; Mối quan hệ thứ bậc giữa cấp trên và cấp dưới, giữa người điều khiển và người bị điều khiển; Mối quan hệ công dân, đây là mối quan hệ rộng nhất biểu hiện sự bình đẳng về trách nhiệm và quyền lợi của mọi cá nhân trong cộng đồng trước những chuẩn mực đạo đức, pháp luật. Mối quan hệ huyết thống chứa đựng những yếu tố trên dưới của quan hệ thứ bậc và bản thân mối quan hệ thứ bậc cũng chứa đựng những yếu tố của quan hệ công dân và huyết thống. Hoạt động giao tiếp người diễn ra trong sự vận động của những mối quan hệ nêu trên bên cạnh các mối quan hệ về giai cấp, truyền thống, văn hóa và cả những quan hệ giữa người và tự nhiên. Tùy thuộc vào sự có mặt của chủ thể ở một trong các mối quan hệ nêu trên mà đặc điểm của hoạt động giao tiếp sẽ nhuốm màu sắc của mối quan hệ đó.

Hoạt động giao tiếp được thực hiện trong những không gian và thời gian xác định. Tùy thuộc vào mục đích, tính chất hoạt động, cá tính và nhu cầu của mỗi cá nhân mà khoảng không gian và thời gian tiêu phí cho giao tiếp có thể rộng hẹp, dài ngắn khác nhau. Hoạt động giao tiếp diễn ra hàng ngày, trong những điều kiện bình thường của đời sống (chào hỏi, trao đổi công việc, giao nhận nhiệm vụ, v.v…) song cũng rất thường gặp những trường hợp các mối quan hệ giao tiếp diễn ra trong những tình huống có vấn đề, đòi hỏi tính nhạy cảm và khả năng định hướng khi giải quyết các mối quan hệ đó của chủ thể. Trong những hoàn cảnh như vậy, tính chất của quan hệ giao tiếp được biểu hiện thông qua năng lực ứng xử của mỗi cá nhân. Điều mà chúng tôi sẽ đề cập một cách có hệ thống ở những phần tiếp theo.

Hoạt động giao tiếp diễn ra dưới bất kỳ dạng nào đều bao gồm trong đó có sự tham gia của các chủ thể giao tiếp trên các mặt: Sinh học (tầm vóc, dáng người, khuôn mặt, khí chất, .v.v...); Tâm lý (tính cách, ngôn ngữ, hành vị hoạt động, *v.v.*. Xã hội (kinh nghiệm sống, vốn tri thức, khả năng biểu cảm, năng lực nhận biết đối tượng và dự đoán kết quả v v).

Có thể nói hoạt động giao tiếp biểu hiện quan hệ trực tiếp giữa người - người, là sự thể hiện trực diện giữa các nhân cách, nó là sự cụ thể hóa các quan hệ xã hội (trong đó các mối quan hệ xã hội được hiểu là các quan hệ bên ngoài, giữa người với người thông qua thể chế, luật định,...), là quá trình chuyển các quan hệ xã hội vào các chủ thể giao tiếp hoạt động. Giao tiếp không đơn thuần là sự thỏa mãn các nhu cầu cá nhân mà còn là quá trình giúp cho mỗi chủ thể giao tiếp nhận biết mình, kiểm nghiệm được kinh nghiệm của bản thân để thay đổi, hoặc bổ sung trong những điều kiện tương tự. Nói một cách khác, giao tiếp tạo ra những ảnh hưởng và tác động qua lại giữa các chủ thể giao tiếp cả về mặt tâm lý và về mặt giáo dục với sự hình thành, biến đổi các phẩm chất nhân cách của cá nhân. Đặc trưng giáo dục của hoạt động giao tiếp có mặt thường xuyên trong quá trình giao tiếp và những gì chủ thể rút ra được sau giao tiếp sẽ giúp mỗi chủ thể tích lũy được tri thức, kỹ năng tồn tại trong cộng đồng thông qua nhận biết đối tượng và tự nhận biết mình, thông qua hiệu quả đạt tới của quá trình giao tiếp.

Tài liệu chỉ xem được một số trang đầu. Vui lòng download file gốc để xem toàn bộ các trang

II. KHÁI NIỆM VỀ ỨNG XỬ

Con người muốn tồn tại, trước hết phải dựa vào bản chất tự nhiên nhờ sự tiến hóa của thế giới vật chất, vì thế nó chịu sự chi phối của tự nhiên và cũng đồng thời tác động lại tự nhiên nhờ những phản ứng của cơ thể. K. Marx nói: "Giới tự nhiên là thân thể vô cơ của con người... con người sống dựa vào tự nhiên. Như thế nghĩa là, tự nhiên là thân thể của con người, để khỏi chết, con người phải ở trong quá trình giao dịch thường xuyên với thân thể đó"[(I)]. Những phản ứng đáp lại đối với tự nhiên (theo nghĩa là thế giới vật chất bao quanh mỗi người và theo nghĩa là những con người khác, những mối quan hệ khác, kể cả những sản phẩm do con người tạo ra) theo cách này hay cách khác có thể coi là ứng xử.

Ứng xử có thể hiểu theo nghĩa hẹp đối với giới động vật, bao gồm tất cả những phản ứng thích nghi của một cơ thể có hệ thống thần kinh thực hiện nhằm đáp trả lại những kích thích ngoại giới trong đó đang tồn tại cơ chế sống. Những phản ứng của chủ thể (cơ chế sống) và những kích thích ngoại giới là có thể quan sát được[1]

Ứng xử của một sinh vật bao gồm phản ứng của cả giống và cho mỗi cá thể và những phản ứng ấy diễn ra tương đối ổn định. Theo tính chất ấy, Edclaparide - nhà tâm lý học Thuỵ Sĩ còn gọi ứng xử là xử sự (conduite).

Ứng xử trong xã hội được hiểu là cách hành động của các vai trò xã hội nào đó trước một chủ thể xã hội khác cũng có một vị trí xã hội. Như vậy ứng xử xã hội trước tiên là cách hành động của các vai trò xã hội với nhau và sau nữa là cách hành động của chủ thể đối với chính bản thân mình, với đồ vật, với môi trường tự nhiên. Quan hệ xã hội, như ta thấy, phản ánh sự ràng buộc giữa các cá nhân với nhau, giữa cá nhân với các nhóm người và giữa các cộng đồng trong xã hội. Khái niệm quan hệ xã hội trên thực tế là một khái niệm trừu tượng, song nó lại luôn luôn là một hiện tượng vật chất hữu hình, bởi nói tới quan hệ xã hội là nói tới các hoạt động cụ thể (kẻ bán - người mua trong thương trường; chăm sóc, thương yêu nhau trong gia đình; chém giết nhau trong chiến cuộc; chăm sóc cây con trong tôn tạo cảnh quan môi trường; trang điểm ăn mặc trong sinh hoạt cá nhân,.v.v...).

Ứng xử ở người tồn tại một số yếu tố gắn bó với nhau thứ nhất, chủ thể ứng xử luôn luôn có ý thức về việc mình làm trên cơ sở của những kinh nghiệm đã có. Nói một cách khác, chủ thể cảm thấy, nhận thấy, hiểu mình đang đứng trước tình huống nào để tổ chức hoạt động đáp lại tình huống đó. Thứ hai là tính xuất ngoại của chủ thể, nghĩa là trong ứng xử, những suy nghĩ của chủ thể luôn được biểu thị ra bên ngoài (hành động, cử chỉ, ngôn ngữ, sắc thái tình cảm.v.v....) đối tác và những người xung quanh có thể quan sát, nhận biết được. Thứ ba là ứng xử được diễn ra trong những không gian và thời gian xác định, môi trường ứng xử rất đa dạng, phong phú, trong đó

1 K.Marx. *Bản thảo kinh tế triết học năm 1844.* NXB Sự thật. Hà Nội - 1962. tr.92.

Tài liệu chỉ xem được một số trang đầu. Vui lòng download file gốc để xem toàn bộ các trang

tồn tại những con người, những vật thể, cảnh quan gần gũi với chủ thể. Trong đời sống cá nhân, một hoạt động ứng xử nào đó được cá nhân thực hiện thường xuyên đối với những tình huống cùng loại, khi đó ta nói ở cá nhân ấy có một tập quán cá nhân. Tương tự như vậy về cách tạo lập, nếu nhiều cá nhân trong một xã hội thường xuyên lặp lại ứng xử một cách tương đối như nhau và diễn ra trong một thời gian dài của lịch sử, khi đó ta có một tập quán xã hội. Và cũng như vậy, nếu tại nhiều thời điểm của lịch sử, ở nhiều xã hội khác nhau, một tập quán xã hội được lặp đi lặp lại tương đối như nhau, ta có một phong tục xã hội.

Dù cho hoàn cảnh và các mối quan hệ là rất khác biệt, song ứng xử của mỗi người không diễn ra một cách tùy tiện mà thường tuân theo một cách nào đó. Ứng xử theo cách này hay cách khác bị chi phối bởi điều kiện sinh học của mỗi cá nhân, của gia đình và của những nhóm người trong xã hội. Cũng cần phải nhận biết rằng, mỗi gia định, mỗi cộng đồng người, để tồn tại và thích ứng với xã hội đều có những quy định riêng về ứng xử. Việc thực hiện những chuẩn mực có giới hạn này diễn ra nhiều lần trở thành nếp ứng xử. Chỉ khi nào việc thi hành những nếp ứng xử này trở nên quen thuộc đối với cá nhân khi đó tập quán ứng xử mới xuất hiện.

Trong hiện thực của xã hội, dưới ảnh hưởng của điều kiện vật chất (mức độ sở hữu tư liệu, của cải; khả năng tiếp nhận và phân chia thành phẩm lao động,.v.v...) và đời sống tinh thần (truyền thống, văn hóa, tư tưởng, tập tục, tôn giáo,v.v....) chúng ta đều có một cảm nhận chung rằng sự phân chia đẳng cấp, giai cấp và những nhóm sắc tộc đã sản sinh ra những con người có một số nét tương đồng về suy nghĩ, hành động theo những mực thước được cả xã hội coi là giá trị và được thừa nhận. Những mực thước đó giúp mỗi cá nhân có được một định hướng riêng trong ứng xử phù hợp với cộng đồng, dân tộc mà mình đang tồn tại và được gọi là khuôn mẫu ứng xử.

Một ứng xử có thể trở thành khuôn mẫu khi nó được lặp lại thường xuyên bởi nhiều cá nhân trong một cộng đồng bởi những lý do sau đây: Trước hết, cho dù mỗi cá nhân có nhu cầu về tinh thần vật chất khác nhau, có những cách thức thỏa mãn nhu cầu của bản thân theo bản năng của riêng mình, song giữa họ vẫn có những mối liên kết hoặc tự giác, hoặc tự phát nhằm bảo tồn vị trí xã hội của mỗi cá nhân. Chẳng hạn, ứng xử giữa con cái với cha mẹ, mặc dù ngôn từ có thể diễn đạt khác nhau ở mỗi cộng đồng: bố, mẹ, thầy, u, cậu, mợ, song cái chung nhất trong ngôn ngữ ứng xử giữa con cái với bố mẹ ở mọi thời đại vẫn ẩn giấu sau nó đó là sự tôn kính và thương yêu. Mặt khác, nhờ có hệ thống di sản trong sự phát triển của cá nhân, những thế hệ sau luôn luôn được thừa hưởng những khuôn mẫu ứng xử vốn có do các thế hệ đi trước truyền lại, đó là những ứng xử đã được tổng quát hóa, tiêu chuẩn hóa và hợp thức hóa dùng làm chuẩn mực để phân biệt những gì có thể chấp nhận được và những gì không thể chấp nhận được[(1)]. Như vậy, một khi khuôn mẫu ứng xử về một phạm vi nào đó trong

(1) Joseph H.Fichter. *Xã hội học* (Trần Văn Đĩnh dịch). NXB Hiện đại thư xã, Sài Gòn - 1973, tr.105)

Tài liệu chỉ xem được một số trang đầu. Vui lòng download file gốc để xem toàn bộ các trang

đời sống xã hội được hình thành, nó không còn là cái riêng, cái cụ thể trong mỗi cá nhân mà đã được khách thể hóa và được coi như một hệ thống tiêu chí giúp mọi người lấy đó làm thước đo cho các mối quan hệ xã hội của bản thân mình. Chính vì lẽ đó, đôi khi người ta còn gọi khuôn mẫu ứng xử là những khuôn mẫu văn hóa bởi tính khách thể hóa những tri thức tiềm ẩn trong khuôn mẫu ứng xử.

Trong xã hội có bao nhiêu mối quan hệ thì có bấy nhiêu ứng xử và thậm chí số lượng ứng xử còn lớn hơn nhiều lần số lượng các mối quan hệ xã hội, song một ứng xử chỉ trở thành khuôn mẫu văn hóa (theo Đoàn Văn Chúc, tác giả cuốn Xã hội hóa văn hoá) khi nó thỏa mãn 4 yếu tố sau đây: "a/ ứng xử thường xuyên được lặp đi lặp lại, tức là tính thời gian của ứng xử; bị ứng xử được lặp lại tương đối theo cùng một cách bởi nhiều người, tức là tính không gian của ứng xử; c/ ứng xử ấy có tác dụng chỉ nam, mẫu mực, hay quy tắc cho các thành viên của một nhóm hay của một xã hội; dị ứng xử ấy chứa đựng một ý nghĩa xã hội nào đó, tức là nó biểu thị kiến thức tư tưởng hoặc tình cảm mà chủ thể đã đạt được nói một cách khác, nó là cái mang vác một giá trị (kinh tế, chính trị, luân lý hay thẩm mỹ) [(1)].

Có thể nói, hệ thống khuôn mẫu ứng xử với tính cách là một khuôn mẫu văn hóa chính là những quy chuẩn đảm bảo cho các mối quan hệ xã hội được bền vững trong những nhóm xã hội khác nhau, là cơ sở xã hội cho việc xem xét các thể loại và hoạt động ứng xử. Khuôn mẫu ứng xử sở dĩ có được khả năng thu phục sự chấp nhận của số đông người trong các nhóm xã hội chính bởi nó đã được tổng quát hóa từ các ứng xử của mỗi cá nhân rồi thông qua tuyển chọn để điều chỉnh, bổ sung, tạo nên những quy chuẩn và cùng với nó là từng bước hợp thức hóa những quy chuẩn trong mỗi khuôn mẫu ứng xử bằng các biện pháp cưỡng bức (luật định, quy chế, nội quy trong cơ quan nhà nước, hương ước, gia phong trong làng bản và gia đình), hoặc khuyến khích cổ vũ sự tự ý thức của mỗi cá nhân khi họ thực hiện các quan hệ ứng xử.

Cơ sở đầu tiên của sự tuyển chọn, bổ sung để tạo lập các hệ thống ứng xử xã hội được bắt nguồn từ những ứng xử thường nhật của mỗi cá nhân, song những ứng xử này lại được xuất hiện với sự chi phối của trình độ sản xuất vật chất và những mối quan hệ sở hữu vật chất (còn được gọi chung là phương thức sản xuất xã hội); K.Marx đã chỉ ra cho chúng ta thấy rõ điều đó, ông viết: "Sự sản xuất những tư tưởng, biểu tượng và ý thức trước hết là gắn liền trực tiếp và mật thiết với vật chất và trao đổi vật chất của người ta, nó là tiếng nói của cuộc sống thực tế. Cả ở đây nữa, người ta cũng thấy rõ rằng biểu tượng, tư tưởng, sự trao đổi tinh thần của người ta đều là sản vật trực tiếp của quan hệ vật chất của họ"[(2)]. phương thức sản xuất không tự nhiên mà có, nó xuất hiện trong quá trình con người tồn tại và phát triển, được tổ chức và chỉ đạo của nhóm người nắm quyền thống trị xã hội. Nhóm người này trong mỗi thời điểm của lịch sử trong một chừng mực nhất định là đại diện cho toàn xã hội, có khả năng đáp ứng một số nhu cầu cơ bản của số đông trong xã hội (chí ít là trong những giai đoạn đầu và

(1) *Xã hội hóa văn hóa.* Đoàn Văn Chúc. NXB Văn hóa Thông tin, Hà Nội - 1997. tr.66
(2) K. Marx. Hệ tư tưởng Đức (Bản dịch tiếng Việt). NXB Sự thật, Hà Nội – 1968, tr. 17.

Tài liệu chỉ xem được một số trang đầu. Vui lòng download file gốc để xem toàn bộ các trang

thời kỳ hưng thịnh của mỗi cuộc cách mạng xã hội), vì thế, mỗi ứng xử của cá nhân một mặt mang đậm ảnh cá thể, mặt khác dưới ảnh hưởng của hệ thống tư tưởng do giai cấp điều hành xã hội chi phối, những ứng xử này trên thực tế vẫn chịu sự điều phối của những khuôn mẫu ứng xử đại diện cho giai cấp nắm quyền chỉ đạo phương thức sản xuất. K.Marx cũng đã từng nhận xét: "Những tư tưởng của giai cấp thống trị là những tư tưởng thống trị trong mỗi thời đại, nói cách khác, giai cấp nào đang là lực lượng vật chất chiếm địa vị thống trị trong xã hội thì cũng là lực lượng tinh thần chiếm địa vị thống trị. Giai cấp nào chi phối những tư liệu sản xuất vật chất thì đồng thời cũng chi phối luôn cả lực lượng sản xuất, tinh thần nói chung bị giai cấp thống trị chi phối"([1]). Hiểu theo tư tưởng của K.Marx, điều đó có nghĩa là, ứng xử của mỗi cá nhân luôn luôn là sự đan xen giữa chủ thể với đẳng cấp, giai cấp mà mình đang tồn tại và cũng đồng thời là sự tuân thủ những khuôn mẫu ứng xử đã được chọn lọc có hiệu ứng chung đối với toàn xã hội, chịu sự chi phối của giai cấp nắm quyền thống trị xã hội.

Logic của sự lý giải đưa chúng ta tới một nhận định rằng, khuôn mẫu ứng xử không phải là bất biến, nó thay đổi theo dòng chảy của lịch sử, rằng mỗi thời đại kế tiếp nhau luôn luôn tồn tại một hệ thống khuôn mẫu ứng xử vừa là sự kế thừa những di sản ứng xử của thời đại trước đó, vừa là sự nảy sinh, bổ sung, hoàn thiện những khuôn mẫu ứng xử tương ứng với những phương thức sản xuất mới, quan điểm tư tưởng chính trị mới. Nếu như trong một nhóm xã hội (một ngành nghề, một giai cấp, v.v…) cùng với sự thay đổi về cơ cấu và điều kiện vật chất, tinh thần luôn kéo theo nó sự thay đổi về các chuẩn mực ứng xử thì trong một xã hội, với tư cách là người đại diện cho một cộng đồng, giai cấp thống trị cũng dựa trên mô hình xã hội đảm bảo cho nó tồn tại để thiết kế và chỉ đạo thực hiện những khuôn mẫu ứng xử tương ứng.

III. KHÁI NIỆM VỀ ỨNG XỬ SƯ PHẠM

Ứng xử sư phạm (ƯXSP) là một dạng hoạt động giao tiếp giữa những người làm công tác giáo dục và được giáo dục trong nhà trường nhằm giải quyết các tình huống nảy sinh trong hoạt động giáo dục và giáo dưỡng.

Như vậy ƯXSP được thực hiện bởi những nhân cách (nhân cách giáo viên và nhân cách học sinh). Thầy và trò là những con người cụ thể, ở những vị trí xã hội khác nhau, có trách nhiệm quyền hạn và lợi ích xác định, đồng thời ở mỗi người trong họ có một hoàn cảnh về gia đình, đời sống tâm lý và những mối quan hệ riêng biệt. Tuy vậy, giữa những cá nhân này có một điểm chung trong hoạt động là đều nhằm đạt tới mục đích giáo dục tổng thể trong việc hình thành nhân cách con người mới XHCN Việt Nam, các hoạt động của họ đều diễn ra trong môi trường sư phạm với những đặc trưng vốn có của nó như quan hệ thầy trò, cảnh quan trường lớp, thời gian học tập, vui chơi,.v.v…

Các ứng xử sư phạm được thực hiện chủ yếu trong các quan hệ qua lại giữa người

(1) K.Marx, sách đã dẫn, tr.47

Tài liệu chỉ xem được một số trang đầu. Vui lòng download file gốc để xem toàn bộ các trang

làm công tác giáo dục và học sinh hoặc tập thể học sinh, chịu sự quy định và điều tiết của những chuẩn mực xã hội, quy chế, nội quy của các thể chế và cơ quan giáo dục ấn định cho mỗi vị trí xã hội mà giáo viên hoặc học sinh có trách nhiệm thi hành; Trình độ nhận thức, kinh nghiệm và hệ thống tri thức, kỹ năng cần cho mục đích và nội dung ứng xử; Thái độ giữa chủ thể và đối tượng ứng xử.

Hoạt động ứng xử có được là nhờ ở sự xuất hiện những tình huống trong hoạt động giáo dục. Giao tiếp sư phạm và ƯXSP đều nhằm đạt tới mục đích nào đó về giáo dục, song cái khác trong ƯXSP chính là thái độ mang màu sắc cá nhân và các thủ thuật biểu hiện thái độ đó qua từng cử chỉ, lời nói, sắc mặt,.v.v... của các chủ thể tham gia ứng xử. Tác giả Ngô Công Hoàn đã nhận định rất hợp lý rằng: "khi sử dụng khái niệm giao tiếp, là muốn định hướng vào mục tiêu công việc (nhằm vào đích đặt trước), còn ứng xử muốn định hướng chính nào nội dung tâm lý, cái "bản chất xã hội" của cá nhân của hành vi giao tiếp"([1]).

1. Chức năng của ứng xử sư phạm

Nói tới chức năng của ứng xử sư phạm là nói tới vai trò đặc trưng của nó trong sự hình thành nhân cách cho học sinh thông qua các hoạt động giáo dục. Chức năng của ƯXSP được xác định trên mục đích giáo dục tổng thể và mục tiêu cấp học. Những định hướng lớn này bao trùm lên tất cả hoạt động giáo dục, chi phối việc xác định những chức năng của những hoạt động giáo dục và giáo dưỡng khác. Hoạt động ứng xử có mặt trong tất cả các hoạt động giáo dục, vì thế chức năng của ứng xử còn có cơ sở từ tính chất riêng biệt của hoạt động này. Dưới đây chúng ta sẽ xem xét một số chức năng cơ bản của hoạt động ƯXSP.

1.1. Chức năng thông tin của ứng xử sư phạm

Hoạt động ứng xử về bản chất là một hoạt động giao tiếp xã hội thông qua các phương tiện giao tiếp vật chất và phi vật chất và nhờ có những phương tiện này (ngôn ngữ, vật thể, nhân cách của các cá nhân tham gia giao tiếp) mà con người có được những mối quan hệ mang tính xã hội Sự hiểu biết lẫn nhau giữa các cá nhân được thực hiện nhờ các kênh thông tin chứa đựng trong các phương tiện giao tiếp. Ứng xử sư phạm là một dạng giao tiếp xã hội diễn ra giữa 2 nhóm xã hội: Giáo viên và học sinh. Thầy và trò có thể hiểu biết thấu đáo nhau hơn nhờ các thông tin phát ra trong quá trình ứng xử (trước, trong và sau quá trình ứng xử). Những thông tin có trong ứng xử giúp cho giáo viên nhận biết được tính cách, nhu cầu, sở thích năng lực chỗ mạnh, chỗ yếu của học sinh, của những nhóm xã hội mà học sinh tham gia, đồng thời cũng tư nhận biết năng lực và nghệ thuật sư phạm của bản thân mình. Về phía học sinh, cũng chính trong quá trình ứng xử các em tiếp nhận được nhiều hơn hệ thống tri thức về cuộc sống, cung cách đói nhân xử thế, hiểu rõ vị thế của mình trong tập thể quyền lợi và trách nhiệm của bản thân trước cộng đồng, biết được tính cách của thầy nhờ sự biểu

(1) Ngô Công Hoàn. *Giao tiếp và ứng xử sư phạm.* NXB ĐHQG, HN – 1997, tr.12.

Tài liệu chỉ xem được một số trang đầu. Vui lòng download file gốc để xem toàn bộ các trang

đạt của thầy trong ứng xử. Thông tin có được trong ứng xử không chỉ do chủ thể ứng xử và đối tượng tạo ra mà còn nhờ ở tập thể và cộng đồng nơi xảy ra ứng xử (tin tức cập nhật xung quanh tình huống, dư luận và truyền thống của tập thể...). Nhờ có mối quan hệ diễn ra trong các ứng xử, những thông tin được tiếp nhận và xử lý trở nên rõ ràng hơn về bộ mặt nhân cách của cả chủ thể và đối tượng ứng xử bởi có nhiều nét tính cách của con người chỉ được bộc lộ qua những tình huống nào đó.

Lượng thông tin có trong ứng xử qua nhiều lần xử lý của chủ thể và đối tượng sẽ trở thành vốn kinh nghiệm ứng xử cho mỗi cá nhân, giúp cho mỗi cá nhân hòa nhập tất hơn vào cộng đồng, vào tập thể, làm cho những cái vốn là chung nhất của mọi người (đạo đức lối sống...), trở thành tài sản riêng của bản thân, có sắc thái riêng tương ứng với đặc điểm tâm lý của mỗi người. Mỗi ứng xử có thể đi tới những hiệu quả khác biệt về mặt giáo dục nhưng chức năng thông tin luôn luôn tồn tại trong suốt quá trình ứng xử.

1.2. Chức năng điều chỉnh của ứng xử sư phạm

Hoạt động giáo dục nói chung là một hoạt động điều chỉnh. Điều chỉnh nhận thức, điều chỉnh hành vi điều chỉnh hoạt động của học sinh. Người giáo viên không thể thay thế những gì vốn đã có trong học sinh như trình độ nhận thức, kinh nghiệm sống, các đặc điểm sinh học của các em. Hoạt động giáo dục đòi hỏi người giáo viên phải nắm bắt được các quy luật hình thành, phát triển nhân cách của học sinh để định ra được nội dung, phương thức, phương tiện giáo dục cho phù hợp. Ứng xử sư phạm với tư cách là một quá trình giáo dục cũng được thực hiện theo định hướng đó. Mỗi ƯXSP giải quyết một nhiệm vụ giáo dục nhằm đạt tới những kết quả cụ thể: Đó có thể là uốn nắn một hành vi sai lầm, khuyến khích động viên một nhân tố tốt, phê bình nghiêm khắc trước khuyết điểm của học sinh.v.v… và điều đó có nghĩa là liên tục điều chỉnh quá trình hình thành nhân cách của học sinh theo một hướng nào đó có lợi cho sự phát triển của cá nhân và tập thể. Sự điều chỉnh này của ƯXSP diễn ra hàng ngày, tức thời và luôn luôn có tính hiệu nghiệm thông qua những dấu hiệu có thể thấy được bằng trực giác (niềm vui hay nỗi buồn, ôn hòa hay tức giận, đồng cảm hay phản ứng quyết liệt của học sinh). Từ kết quả của mỗi ứng xử, chủ thể ứng xử tự thấy mình cần phải làm gì và làm như thế nào để những ứng xử tiếp theo có được hiệu quả cao hơn. Như vậy chức năng điều chỉnh được xét về cả hai phía: Điều chỉnh nhân cách của đối tượng ứng xử trong giải quyết tình huống của chủ thể và tự điều chỉnh phương pháp, thủ thuật ứng xử của giáo viên trong và sau mỗi ứng xử.

1.3. Chức năng định hướng của ứng xử sư phạm

Định hướng trong ứng xử sư phạm được xét tới như là một chức năng bao trùm lên các chức năng khác của ƯXSP bởi tính mục đích chiến lược của các ƯXSP. Mỗi ƯXSP giải quyết một tình huống cụ thể và đạt tới một hiệu quả nhất định về giáo dục và giáo dưỡng, song cái đích cuối cùng của mỗi ứng xử và của một hệ thống các ứng xử là hướng tới việc hình thành một nhân cách tốt đẹp hơn, thiết lập được mối quan hệ

Tài liệu chỉ xem được một số trang đầu. Vui lòng download file gốc để xem toàn bộ các trang

tốt đẹp bền chặt giữa thầy và trò, giữa sự chỉ dẫn điều chỉnh của người giáo viên bằng tấm lòng nhân ái cao cả và kinh nghiệm nghệ thuật sư phạm của mình với sự tiếp nhận, tự điều chỉnh của học sinh: Mối quan hệ giữa cá nhân giáo viên với tập thể học sinh và giữa các tập thể học sinh với nhau. Chức năng định hướng vừa có tính tổng quan chung cho các thành phần tham gia ứng xử, đồng thời còn là sự định hướng hoạt động cho mỗi thành phần riêng lẻ tùy thuộc vào vị trí của nó trong ƯXSP: Định hướng chủ yếu đối với chủ thể ứng xử là sự cần thiết phải có được hệ thống các tri thức, kỹ năng xử lý các tình huống sư phạm, là sự khéo léo đối với sư phạm và ý thức chủ đạo dẫn dắt cho toàn bộ quá trình ứng xử đạt tới mục đích giáo dục. Định hướng đối với đối tượng ứng xử chính là giúp họ tự nhận rõ mình, biết được đúng sai, thấy quyền lợi và trách nhiệm đối với tập thể, với xã hội. Có thể nói tích luỹ kinh nghiệm sống, biết tự điều chỉnh ý thức, hành vi theo lẽ phải trong học tập và rèn luyện là cái đích cuối cùng mà mỗi ƯXSP cần phải hướng tới.

Sự định hướng trong ƯXSP không nên hiểu như một con đường duy nhất của mỗi ƯXSP phải nhất nhất tuân theo, mà phải được hiểu là cơ sở cho mọi điều chỉnh, mọi thông tin trong ứng xử lấy đó làm cất lõi để vận động, để đạt tới, còn việc sử dụng những kiểu loại ứng xử nào, thủ thuật ra sao lại phải căn cứ vào tình huống cụ thể của mỗi ứng xử.

2. Những thành phần tham gia vào hoạt động ứng xử sư phạm

2.1. Ứng xử sư phạm được thể hiện trong một nhóm xã hội đặc biệt bao gồm hai chủ thể chính là thầy và trò , mỗi chủ thể giữ một vị trí xác định trong quá trình ứng xử. Nói tới ƯXSP, trước tiên là nói tới vai trò của người giáo viên - chủ thể chịu những kích thích của tình huống do phía đối tác (cá nhân học sinh hoặc tập thể học sinh) gây ra, họ ở vị trí của người tiếp nhận thông tin (tình huống), xử lý thông tin và đáp lại đôi tượng tạo ra tình huống.

Người giáo viên có hoạt động chính là dạy học và giáo dục. Những hoạt động nghề nghiệp đã góp cần tạo nên nhân cách của giáo viên - một trong những yếu tố tác động lớn nhất tới kết quả giáo dục trong đó có hoạt động ứng xử. Dưới đây chúng ta sẽ xem xét những nét cơ bản trong nghề dạy nghiệp và nhân cách của người thầy làm cơ sở cho việc xác định vai trò chủ thể của họ trong ƯXSP.

**** Những đặc điểm cơ bản của nghề dạy học***

a/ Mục đích của nghề dạy học

Mục đích của nghề dạy học là giáo dục thế hệ trẻ một cách toàn diện và hài hòa, chuẩn bị cho họ những phẩm chất và năng lực cần thiết đáp ứng nhu cầu của xã hội trong những điều kiện lịch sử cụ thể. Như vậy nghề dạy học, lao động sư phạm có giá trị như là một nhân tố xã hội quan trọng góp phần "sáng tạo ra con người", góp phần tái sản xuất sức lao động xã hội.

b/ Đối tượng của nghề dạy học

Tài liệu chỉ xem được một số trang đầu. Vui lòng download file gốc để xem toàn bộ các trang

Ứng với mục đích nêu trên, nghề dạy học có đối tượng tác động là con người (chủ yếu là thế hệ trẻ) mang trong mình những nhân cách xác định tồn tại và phát triển như là một thực thể xã hội, có ý thức chủ động tiếp thu sự giáo dục. Với một đối tượng như vậy, kết quả lao động nghề nghiệp của người giáo viên không chỉ phụ thuộc vào năng lực, tài năng sư phạm của bản thân họ, mà còn phụ thuộc vào đặc điểm nhân cách của học sinh vào thái độ của họ trong việc tiếp thu sự giáo dục và quan hệ của họ với giáo viên. Việc nắm bắt đối tượng giáo dục của mình một cách cụ thể, toàn diện làm cơ sở cho sự thành công trong quá trình lao động sư phạm của người giáo viên K.Đ. Usin đã khẳng định: muốn giáo dục con người về mọi phương diện thì trước hết phải hiểu con người về mọi phương diện".

c/ Công cụ lao động của nghề dạy học

Với đối tượng lao động đặc biệt là những con người, công cụ lao động của người giáo viên cũng cần thiết phải được tương ứng một cách đặc biệt, đó là:

- Hệ thống tri thức mà giáo viên sẽ truyền đạt cho học sinh.

- Hệ thống các dạng hoạt động được tổ chức theo những mục đích sư phạm nhất định.

- Nhân cách của chính bản thân người giáo viên.

- Những phương tiện và đồ dùng dạy học.

Có thể nói rằng: Nếu trong lĩnh vực sản xuất vật chất, công cụ lao động là những đồ vật cụ thể mà người lao động dùng chúng tác động lên đối tượng lao động của mình, thì trong nghề dạy học, phần lớn công cụ lao động của người giáo viên lại chính là bộ phận hữu cơ gắn bó với bản thân họ.

d/ Sản phẩm của nghề dạy học

Sản phẩm chính của nghề dạy học là những con người được trang bị một cách toàn diện để đi vào cuộc sống theo những chuẩn mực đã định. Đó là những con người có sự biến đổi về chất so với thời điểm xuất xứ của họ xét về mặt nhân cách. Với sản phẩm quý báu này, với quan điểm kinh tế, nó đứng hàng thứ hai sau hoạt động khoa học, nó là một dạng lao động sản xuất đặc thù - lao động sản xuất phi vật chất.

e / Thời gian và không gian lao động sư phạm

- Về thời gian lao động của người giáo viên được chia thành hai bộ phận: Bộ phận theo quy chế gắn liền với thời gian làm việc hành chính và bộ phận ngoài quy chế gắn liền với thời gian ngoài giờ hành chính .

- Về không gian, lao động sư phạm được tiến hành trong hai phạm vi không gian cơ bản là ở trường ứng với thời gian theo quy chế, và ở nhà ứng với thời gian ngoài quy chế. Ngoài ra, hoạt động lao động của người giáo viên còn có thể diễn ra ở môi trường xã hội, ngoài thiên nhiên, tại các xưởng máy, cơ quan khác,.v.v...

Tài liệu chỉ xem được một số trang đầu. Vui lòng download file gốc để xem toàn bộ các trang

f/ Hệ thống những kỹ năng đảm bảo cho hoạt động giáo dục của người giáo viên đạt hiệu quả:

+ Nhóm kỹ năng thiết kế, nhóm kỹ năng này giúp cho giáo viên nhìn thấy trước và thiết kế các kế hoạch, nội dung, hình thức, phương pháp tiến hành các dạng hoạt động của mình cũng như của học sinh, dự đoán những gì sẽ xảy ra trong quá trình giáo dục và các hoạt động khắc phục những khuyết tật đó.

- Nhóm kỹ năng tổ chức: Giúp người giáo viên thực hiện nội dung "thiết kế" đã vạch ra.

- Nhóm kỹ năng giao tiếp: Giúp giáo viên biết cách giao tiếp với đối tượng giáo dục của mình và những lực lượng xã hội có liên quan tới quá trình giáo dục.

- Nhóm kỹ năng nhận thức: Giúp giáo viên biết tự đánh giá được tiến trình và kết quả hoạt động giáo dục của mình và đồng nghiệp, đặc biệt là của học sinh và của đồng nghiệp để không ngừng hoàn thiện, điều chỉnh tác động sư phạm cho phù hợp với quy luật giáo dục.

+ Hệ thống những kỹ năng chuyên biệt.

Hệ thống này bao gồm những nhóm kỹ năng sau đây:

- Nhóm kỹ năng giảng dạy: Bao gồm những kỹ năng lựa chọn nội dung dạy học, lựa chọn và vận dụng phương pháp, hình thức tổ chức dạy học, kỹ năng xác định các bước lý luận dạy học cụ thể (mục đích, nhiệm vụ dạy học....), kỹ năng soạn bài lên lớp kỹ năng tổ chức các dạng hoạt động học tập tập thể và độc lập của học sinh, kỹ năng phát hiện và bồi dưỡng học sinh giỏi, cũng như học sinh cá biệt, kỹ năng sử dụng và chế tạo các phương tiện và đồ dùng dạy học, kỹ năng phân tích, đánh giá, rút kinh nghiệm các dạng hoạt động dạy học, kỹ năng kiểm tra, đánh giá tri thức, kỹ năng, kỹ xảo của học sinh...

- Những kỹ năng giáo dục: Bao gồm những kỹ năng như: Xác định mục đích, nhiệm vụ giáo dục học sinh, xây dựng tập thể học sinh do mình phụ trách, phối hợp và vận động các lực lượng xã hội tham gia giáo dục, giáo dục lao động, hướng nghiệp, giáo dục học sinh cá biệt, phân tích đánh giá, rút kinh nghiệm các hoạt động giáo dục, kiểm tra, đánh giá kết quả rèn luyện, tu dưỡng của học sinh... Nhóm kỹ năng nghiên cứu khoa học nói chung và khoa học giáo dục nói riêng, bao gồm những kỹ năng: Xác định các bước nghiên cứu, vận dụng những phương pháp và tổ chức nghiên cứu, phân tích và xử lý các tài liệu thu thập được, trình bày và bảo vệ đề tài nghiên cứu.

- Nhóm kỹ năng hoạt động xã hội: Bao gồm kỹ năng tham gia các hoạt động xã hội có liên quan tới công tác giáo dục học sinh, tổ chức cho học sinh tham gia các hoạt động xã hội...

- Nhóm kỹ năng tự học: Kỹ năng lập kế hoạch và tổ chức tự bồi dưỡng về chuyên môn, vận dụng các phương pháp và phương tiện tự học, thích ứng mau chóng với

Tài liệu chỉ xem được một số trang đầu. Vui lòng download file gốc để xem toàn bộ các trang

những thành tựu khoa học có quan hệ với chương trình dạy, tự đánh giá tự điều chỉnh hoạt động, tự đào tạo của mình...

2.2. Đặc điểm nhân cách của người giáo viên

Khi bước chân vào bất cứ một nghề nghiệp nào, bản thân những điều kiện của hoạt động trong môi trường đó đặt mỗi cá nhân trước những yêu cầu tương ứng. Khả năng thích ứng của mỗi cá nhân với những yêu cầu này của nghề nghiệp là khác nhau và bị chi phối bởi cơ chế sinh học - tâm lý riêng biệt của mỗi cá nhân, bởi những điều kiện khách quan có tính xã hội, của môi trường nghề. Nhân cách nghề nghiệp được hình thành và phát triển chính trong quá trình thích ứng này, là đặc điểm mang tính xã hội của toàn bộ quá trình hoạt động nghề nghiệp. Vì thế, trước khi đề cập tới những nội dung hoạt động cụ thể của người giáo viên, chúng ta cần thiết phải xét tới những vấn đề có liên quan tới cấu trúc nhân cách của giáo viên.

Nhân cách của mỗi cá nhân bao gồm những phẩm chất chung, phẩm chất riêng và đơn nhất, thể hiện dưới dạng hình chóp mà đáy của nó là những phẩm chất mang dấu ấn sinh học và ở đỉnh là phần mang dấu ấn xã hội.

Những phẩm chất chung của nhân cách bao hàm song nó tư tưởng, chính trị, đạo đức, thẩm mỹ,v.v... Phẩm chất riêng của nhân cách bao gồm: Kinh nghiệm thực tiễn trong hoạt động nghề nghiệp năng lực, hứng thú, kỹ năng, kỹ xảo, v.v...). Những phẩm chất riêng lại biểu hiện ở những năng lực nghề nghiệp như kỹ năng nhận thức, thiết kế, giao tiếp, chuyển tải thông tin và tổ chức. Hệ thống các phẩm chất riêng biệt trong nhân cách của người giáo viên còn bao hàm cả những đặc điểm của các quá trình tâm lý cá nhân và đặc điểm của các kiểu thần kinh cao cấp cũng như khí chất.

Trên thực tế, sự khác biệt giữa người này và người khác chính là do sự khác biệt của những phẩm chất nhân cách đã nêu trên, mặt khác, tính đa dạng và những yêu cầu nhiều vẻ của nghề làm xuất hiện sự khác nhau của nhân cách.

Đối với nhân cách của giáo viên, có thể nêu ra 4 tiểu cấu trúc tương ứng, đó là:

- Tiểu cấu trúc đạo đức xã hội và đạo đức nghề nghiệp của giáo viên. Nội dung của tiểu cấu trúc này chứa đựng các phẩm chất giao tiếp với trẻ, ở vòng ham muốn giáo dục trẻ.

Tiểu cấu trúc thứ hai được xác định bởi nhiều phẩm chất chuyên ngành như khả năng nhạy cảm trước các hành vi của trẻ, sự am hiểu sâu sắc diễn biến tâm - sinh lý của trẻ trong quá trình giáo dục. Tiểu cấu trúc thứ ba gồm một tổ hợp các phẩm chất tâm lý như xúc cảm, ý chí,v.v...

Tiểu cấu trúc thứ tư bao gồm các mức độ biểu hiện khí chất, thang bậc hưng phấn và ức chế, v.v... Ngoài những phẩm chất nêu trên, trong nhân cách của giáo viên không thể không đề cập tới khái niệm học vấn nghề nghiệp. Học vấn nghề nói chung không tách khỏi những gì có trong văn hóa của nhân loại, nhưng nó còn bao gồm cả những đặc điểm cá nhân biểu hiện trong học vấn qua một con người cụ thể.

Tài liệu chỉ xem được một số trang đầu. Vui lòng download file gốc để xem toàn bộ các trang

Đối với phẩm chất sư phạm, có thể nêu dưới đây những dấu hiệu thành phần như: Sự vững vàng về hứng thú và nhu cầu giáo dục, sự phát triển hài hòa về trí tuệ đạo đức và thẩm mỹ tay nghề sư phạm, những đặc điểm của lòng nhân ái đối với trẻ, các phẩm chất tự hoàn thiện, mức độ biểu hiện các kiểu khí chất, tầm hiểu biết rộng rãi về khoa học, nghệ thuật thẩm mỹ, năng lực sáng tạo trong công tác giáo dục, khả năng điều tiết các quá trình xúc cảm, ý chí,v.v... của bản thân.

Tất nhiên, văn hóa sư phạm không phải là kết quả của phép cộng cơ học các thành phần nêu trên, mà là sự kết hợp hài hòa giữa chúng trong những điều kiện, tình huống sư phạm cụ thể. Cơ sở của học vấn sư phạm là các thành phần học vấn chung như thế giới quan, đạo đức, thẩm mỹ, trí tuệ của người giáo viên. Thiếu làm việc liên tục và sự nỗ lực của bản thân, người giáo viên không thể làm cho nhân cách của mình đạt tới đỉnh cao của học vấn sư phạm. Nói một cách khác, học vấn sư phạm là sản phẩm chín muồi của một quá trình dày công tự rèn luyện đầy sáng tạo và tự tin của mỗi người giáo viên. Có sự hiểu biết sâu rộng về khoa học, đó là cái cần thiết cho mình, nhưng nghề dạy học bao giờ cũng gắn chặt với sự truyền thụ những hiểu biết đó cho người khác. Người giáo viên cần phải biết cách chuyển tải sự hiểu biết của bản thân mình cho học sinh. M.I.Calênin đã nhận xét: "Tôi biết nhiều người nắm vững môn học rất sâu sắc nhưng hẳn chưa phải là những người giáo viên nếu như anh ta không biết trình bày sự hiểu biết của mình. Điều cần thiết là phải biết thu nhận kiến thức và biết cách trình bày nó như thế nào để cho người nghe có thể tiếp nhận được". Đòi hỏi này đối với người giáo viên liên quan tới những yếu tố tạo nên tay nghề và nghệ thuật sư phạm của họ. Thật may mắn nếu như một người nào đó bước chân vào nghề sư phạm có được một giọng nói hay, sức truyền cảm lớn cùng với những năng khiếu khác tạo ra cho họ những cơ sở ban đầu của một tài năng sư phạm. Song như bất .. cứ một lĩnh vực khoa học nào khác, tài năng sư phạm thường rất ít được thấy một cách hiển nhiên.

Điều đó có nghĩa là: Muốn trở thành một giáo viên giỏi thì không nhất thiết phải có tài năng sư phạm, nhưng rõ ràng con người đó phải có chí hướng, quyết tâm và nghị lực, đó chính là tiền đề dẫn chúng ta tới tài năng sư phạm.

A.X. Macarenco đã tin tưởng một cách sâu sắc rằng: "Nghệ thuật là cái mà người ta có thể đạt tới được và nếu con người có thể trở thành người thợ tiện lão luyện nổi tiếng, một thầy thuốc giàu kinh nghiệm, thì người ta cũng có thể trở thành một nhà giáo thật giỏi và mỗi các bạn, những nhà giáo trẻ tuổi nhất định sẽ trở thành giáo viên giỏi trong nghề dạy học nếu không bỏ dở sự nghiệp của mình, còn như các bạn trở thành người lão luyện đến mức nào, điều đó phụ thuộc vào sự cố gắng của bản thân". Những cơ sở lý thuyết làm nền tảng cho sự hình thành nghệ thuật sư phạm của giáo viên là quá trình nghiên cứu một cách có hệ thống các bộ môn khoa học giáo dục như giáo dục học đại cương, tâm lý học, phương pháp giảng dạy bộ môn Nhưng để hoàn thiện tay nghề sư phạm, nhất thiết phải trải qua những kinh nghiệm giáo dục thực tiễn của bản thân và được sự giúp đỡ của đồng nghiệp. Mỗi kinh nghiệm cần được thường xuyên phân tích tổng kết, vận dụng một cách linh hoạt trong những hoạt động và hoàn

Tài liệu chỉ xem được một số trang đầu. Vui lòng download file gốc để xem toàn bộ các trang

cảnh giáo dục cụ thể.

Một bộ phận tạo nên tay nghề của giáo viên là kỹ thuật sư phạm. Kỹ thuật sư phạm nó được biểu hiện bởi một tổ hợp những kỹ năng và kỹ xảo cần thiết để ứng dụng một cách có hiệu quả hệ thống các phương pháp và những ảnh hưởng sư phạm trong quá trình giáo dục học sinh.

Kỹ thuật sư phạm bao gồm trong nó kỹ thuật chọn ngữ điệu và từ ngữ khi giao tiếp với học sinh, kỹ thuật điều chỉnh sự chú ý của mình cũng như của trẻ, nhịp điệu cảm xúc và tình cảm trong những hành động và quyết định sư phạm, những kỹ xảo điều khiển và biểu hiện thái độ của mình trước những sai sót của học sinh.

Như ta biết, hoạt động hàng ngày của mỗi giáo viên gắn liền với việc giao tiếp cùng đối tượng giáo dục của mình. Trong quan hệ giao tiếp đó, người giáo viên phải tập dần cho mình biết điều tiết những biểu cảm của mình thông qua hành vi và lời nói.

K.D.Usinxki đã từng viết: "Trong nhà trường cần thiết phải có sự nghiêm khắc và vui vẻ nhưng không nên biến tất cả mọi việc thành trò đùa. Mềm mỏng phải nghiêm túc, danh dự cần có sự theo dõi, lòng nhân từ không dược yếu đuối, sự quy củ không được cầu kỳ. Điều cơ bản là hoạt động của lý trí phải thường xuyên". Đó cũng chính là sự khéo léo đối với sư phạm, một trong những phẩm chất sư phạm quý báu nhất của người giáo viên, nó đòi hỏi người giáo viên phải tự biết mình và biết người một cách hết sức tế nhị và sâu sắc. Một biểu hiện của nét mặt, một âm điệu của lời nói, một sự kìm mình khi cần thiết có ảnh hưởng trực tiếp tới kết quả giáo dục. Tất cả cái đó phải xuất phát từ những tình cảm chân thực của người giáo viên, phải nhuộm màu sắc của nghệ thuật đi vào lòng người và mang những kỳ vọng tốt đẹp của hiệu quả giáo dục, một giáo viên luôn luôn cau có, châm biếm một cách thô thiển, hay lại quá ưu tư hoặc suồng sã, khắt khe quá mức, biểu lộ những xúc cảm của mình một cách bộc trực, lộ liễu, thường những người như vậy sẽ gặp không ít những thất bại trong công tác, đôi khi hủy hoại cả uy tín của mình trong những điều kiện không cần thiết.

Nghệ thuật của người giáo viên còn được biểu hiện thông qua phong cách sống và sự biểu đạt thẩm mỹ của mỗi giáo viên trước học sinh. Các em coi thầy giáo, cô giáo như mẫu mực về đạo đức và phong cách sống. Tục ngữ có câu: "Thầy nào trò ấy" chính là một lời răn dạy giáo viên chúng ta về tất cả các mặt: Đi đứng, đầu tóc. A.X.Macarenco coi bộ mặt bên ngoài của giáo viên có một ý nghĩa to lớn, ông viết: "Tôi chú ý trước tiên tới bề ngoài, vẻ bề ngoài có một ý nghĩa to lớn trong cuộc sống của con người. Khó mà hình dung được một con người bẩn thỉu, cẩu thả mà anh ta lại có thể chú ý giữ gìn hành vi của mình". Vì thế trong bất cứ trường hợp nào, khi tiếp xúc với con người hay tập thể học sinh, mỗi giáo viên phải ăn mặc nghiêm chỉnh, sạch sẽ, đầu tóc gọn gàng... chúng ta không nên cho đó là một sự phiền hà vô bổ.

Nói tóm lại, nghề dạy học đòi hỏi sự kết hợp nhuần nhuyễn giữa tính khoa học và tính nghệ thuật, nghệ thuật của giáo viên dựa trên một lập trường tư tưởng vững chắc, một tình yêu trẻ hết sức tế nhị và chân thành, một trình độ hiểu biết sâu sắc về phương

Tài liệu chỉ xem được một số trang đầu. Vui lòng download file gốc để xem toàn bộ các trang

pháp. Người giáo viên có nghệ thuật là người có khả năng đi vào nội tâm của học sinh, có sức lôi cuốn, cảm hóa, có khả năng tổ chức giỏi, có sự khéo léo sư phạm, có óc tưởng tượng phong phú.

Người thầy giáo phải có năng lực tuyên truyền, tổ chức

Giáo dục và dạy học thực chất là sự truyền thụ những kinh nghiệm mà loài người đã tích lũy cho thế hệ trẻ. Nhưng quá trình truyền thụ đó không đơn thuần là một quá trình truyền đạt kiến thức mà còn là quá trình hướng dẫn, tổ chức thế hệ trẻ đi theo những phương hướng xác định, duy trì hoạt động của một tập thể, dù cho đó là một tập thể nhỏ ủa lớp học, người giáo viên cần phải có năng lực tổ hực. Chính năng lực này sẽ chắp thêm sức mạnh ho giáo viên, hợp nhất lý trí và tình cảm kiến thức và tài năng của mỗi cá nhân vào một quỹ đạo khoa học. Đó không phải là những bộ mặt bên ngoài của tập thể mà còn là sợi dây ràng buộc mỗi thành viên vào những khuôn phép đa dạng phục vụ cho một mục đích của nhà giáo dục. Người giáo viên giỏi sẽ là những người biết sắp xếp công việc của mình và đối tượng giáo dục của mình một cách khoa học, hợp lý, biết phân định thời gian cho phù hợp với tính chất công việc, biết sắp xếp, điều hành những công việc nội khóa và ngoại khóa của học sinh sao cho nó tiến triển không phải như một mớ hỗn độn mà là một bản chỉ dẫn chi tiết, đầy đủ.

Năng lực tổ chức, đó là phẩm chất đáng quý mà người giáo viên cần có. V. I.Lê nin đã nhấn mạnh đầy đủ ý nghĩa của năng lực đó, ông viết: "Người cán bộ chuyên môn dù có giỏi đến đâu chăng nữa mà nếu không có năng lực tổ chức thì cũng chỉ là một cán bộ chuyên môn. Tài tổ chức là một trong những đức tính quý nhất của con người".

Hoạt động của giáo viên không chỉ giới hạn trong khuôn khổ của nhà trường phổ thông mà nó còn được mở rộng ra phạm vi ngoài xã hội. Nếu như giáo dục là sự nghiệp của quần chúng và ảnh hưởng của môi trường xã hội là vô cùng trọng yếu tới sự phát triển của mỗi cá nhân thì đương nhiên người giáo viên phải biết ngắn chặt công việc của mình với những hoạt động của xã học biết vận động các tổ chức ngoài xã hội cùng góp phần vào xây dựng sự nghiệp giáo dục. Trong quá trình vận động quần chúng, mỗi giáo viên có dịp đi sâu vào thực tiễn của đời sống xã hội, tạo ra những biến đổi về tư tưởng cho chính bản thân họ. V.I.Lê nin đã từng nói: “Chúng ta có thể chẳng đặt niềm tin vào việc học tập, giáo dục và giáo dưỡng nếu như nó chỉ giới hạn trong trường học và tách rời cuộc sống đang sôi động". Sau khi xem xét những đặc điểm và yêu cầu đối với giáo viên, một trong những chủ thể của hoạt động ứng xử, phần tiếp theo chúng ta sẽ tìm hiểu về một chủ thể thứ hai của hoạt động đó là học sinh. Trong phạm vi nghiên cứu của mình, chúng tôi chỉ giới hạn trên đối tượng là học sinh phổ thông trung học (PTTH) .

2.3. Hoạt đáng và nhân cách *của học sinh*

Đặc tính chung trong hoạt động của học sinh. Lứa tuổi học sinh PTTH thường dao động trong khoảng từ 14 đến 18 tuổi, là giai đoạn đầu của lứa tuổi thanh xuân. Tuổi

Tài liệu chỉ xem được một số trang đầu. Vui lòng download file gốc để xem toàn bộ các trang

thanh xuân nói chung và tuổi của học sinh PTTH nói riêng là lứa tuổi phức tạp cả về sự phát triển sinh học cũng như quá trình xã hội cá nhân. Giai đoạn PTTH, người học sinh bước vào giai đoạn cuối của quá trình chuẩn bị nền tảng cho sự tham gia của họ vào hoạt động nghề nghiệp và các dạng lao động xã hội khác. Có thể nói, học sinh PTTH là một nhóm người xã hội đặc biệt, được chuẩn bị để bước vào các lĩnh vực học tập nghề nghiệp hoặc trực tiếp tham gia lao động xã hội, là nhóm người thuộc một độ tuổi xác định và là một nhân cách.

Người học sinh PTTH có những đặc điểm sau đây:

Đó là nhóm người chuẩn bị bước qua lứa tuổi vị thành niên để trở thành một công dân trong cộng đồng xã hội.

Là nhóm người có sự phát triển mạnh về mặt tâm lý, nhu cầu, hứng thú dần tới bước ổn định, có sự định hướng, tình cảm phong phú, có sự tham gia ngày càng nhiều của hoạt động ý chí, hình thành thế giới quan, lý tưởng sống,v.v... Là nhóm người chuẩn bị bổ sung cho nguồn nhân lực có tri thức của xã hội. Ở lứa tuổi học sinh PTTH, hoạt động của các em rất đa dạng về loại hình và tính chất, đây là lứa tuổi mà các hoạt động giao lưu, hoạt động văn hóa, văn nghệ, thể dục thể thao trở thành nhu cầu thường trực. Tuy nhiên hoạt động học tập vẫn là hoạt động mang tính chủ đạo, sự can thiệp của tự ý thức đối với mục đích học tập của các em ngày một rõ ràng, thái độ, động cơ lựa chọn đối với các môn học nhằm thỏa mãn khuynh hướng nghề là nét khác biệt so với tuổi thiếu niên. Với đặc điểm này, hoạt động học tập của học sinh PTTH mang tính năng động, độc lập, chủ động hơn.

Đối tượng hoạt động của học sinh PTTH được mở rộng, nó không chỉ đóng khung trong khuôn khổ học đường mà ngày càng được tiếp cận với những hoạt động phong phú ngoài xã hội thông qua các nội dung hoạt động chính khóa, ngoại khóa và sự mở rộng giao lưu xã hội của các em.

Hoạt động của học sinh PTTH diễn ra trong môi trường và những điều kiện đã được kế hoạch hóa nghiêm ngặt để chuẩn bị cho họ kết thúc giai đoạn học tập ở phổ thông chuyển sang giai đoạn học nghề, lập nghiệp. Tính chuẩn mực và nghiêm túc của các kỳ thi vào các cơ sở đào tạo chuyên nghiệp là những điều kiện khách quan ràng buộc học sinh PTTH vào các hoạt động chủ yếu, chính diện là học tập. Ngoài học ở trường, học sinh còn tham gia nhiều lớp ôn luyện để chuẩn bị cho thi cử. Phương tiện hoạt động của học sinh PTTH chủ yếu vẫn là sách vở giáo khoa, song số lượng và chất lượng tài liệu tham khảo bổ sung cho kiến thức đã học nhiều hơn, sâu hơn.

Những đặc điểm hoạt động nêu trên của học sinh PTTH đã tác động trực tiếp đến quá trình tâm lý và các phẩm chất tâm lý khác. Về cơ bản, hoạt động của học sinh PTTH là quá trình nhằm đạt tới mục đích hoàn thiện kiến thức phổ thông, chuẩn bị cho việc tiếp thu kiến thức và kỹ năng nghề nghiệp, vì thế nó đòi hỏi anh tự lập, chủ động và hoạt động lý trí của bản thân, có cách nhìn đúng đắn hơn về những giá trị xã hội và những gì vốn có của cá nhân mình.

Tài liệu chỉ xem được một số trang đầu. Vui lòng download file gốc để xem toàn bộ các trang

2.4. Đặc tính chung về nhân cách của học sinh PTTH

Nhân cách của học sinh PTTH là nhân cách của con người trẻ tuổi đang được chuẩn bị để thực hiện chức năng của một công dân có học vấn được quyền tham gia vào các hoạt động lao động, học tập và các mối quan hệ giao lưu xã hội. Nhân cách của họ được hình thành trong các quá trình xã hội hóa và giải quyết các mâu thuẫn: Mâu thuẫn giữa sự phát triển mạnh mẽ về thể lực và trí lực cùng những mơ ước nhiều chiều với khả năng thực hiện theo một định hướng xác định phù hợp với năng lực và điều kiện vẫn có của bản thân và gia đình, mâu thuẫn giữa lượng thông tin lớn về kinh tế, chính trị, xã hội.v.v... trong điều kiện của cuộc cách mạng khoa học - kỹ thuật - công nghệ hiện nay với tiềm năng xử lý, chọn lọc thông tin đó, mâu thuẫn giữa khôi lượng học tập lớn ở giai đoạn cuối của các trường phổ thông với nhu cầu giao tiếp và những nhu cầu hoạt động khác của tuổi trẻ, mâu thuẫn giữa tính đa dạng, phong phú của nghề nghiệp xã hội bên cạnh những yêu cầu ngày một cao về trí thức với vốn thời gian và điều kiện học tập có hạn của học sinh.v.v... Có thể nói, thời kỳ cuối của mỗi cá nhân trên ghế nhà trường phổ thông là thời kỳ phát triển mạnh mẽ về các mặt, nhất là về tình cảm đạo đức, thẩm mỹ, nhu cầu và xu hướng nghề nghiệp, nhu cầu giao tiếp v.v... đây là thời kỳ của hình thành, vừa ổn định về tính cách để chuẩn bị cho tuổi trẻ dần tiến tới vị trí xã hội của một người công dân đích thực trong giai đoạn tiếp theo (khoảng từ 18 đến 25 tuổi). Trong sự phát triển nhân cách của lứa tuổi này, nổi bật hơn cả là sự phát triển của tự ý thức, đó là sự tự khẳng định của mình về mặt sinh học, biết nhìn nhận những suy nghĩ và hành vi của mình so với chuẩn mực của tập thể, thấy được cái tôi của mình đối với gia đình và xã hội, các em không chỉ có khả năng tự đánh giá mình mà còn nhận biết được cái đúng, cái sai trong hành vi của những cá nhân khác. Sự tự đánh giá mình và đánh giá người khác đôi khi bị thiên lệch hoặc là về phía bản thân (đề cao nhân cách và tính hoàn mỹ của nó so với người khác) hoặc là đề cao quá mức, đôi khi đến lý tưởng hóa nhân cách của người khác dẫn tới tự ti với chính mình, rụt rè, ỷ lại và co cụm lại với bản thân. Tính chủ quan trong khi tự đánh giá là một phẩm chất nhân cách rất đáng được quan tâm trong quá trình giáo dục. Nuôi dưỡng phẩm chất này để hoàn thiện, giúp cho tuổi trẻ biết người biết ta một cách khách quan là cả một quá trình đòi hỏi nghệ thuật giáo dục của đội ngũ giáo viên.

Một trong những đặc điểm quan trọng trong bộ mặt nhân cách của học sinh PTTH được biểu hiện thông qua hoạt động giao tiếp và đời sống tình cảm Khác với tuổi thiếu niên, do kinh nghiệm sống đã được tích lũy nhiều hơn, khả năng phân biệt nhu cầu sở thích, năng lực của mình và của người khác mang tính khách quan hơn, sự đồng cảm không chỉ bao gồm những yếu tố bên ngoài mà đã đượm màu sắc của lý tính (cùng hứng thú một hoạt động, một môn học, cùng chung một mục đích hoạt động để giúp đỡ các bạn nghèo vượt khó,v.v...), nhu cầu được sống trong một tập thể mạnh, có uy tín, có dư luận tốt, v.v đã tạo ra cho hoạt động giao tiếp của học sinh PTTH những giá trị mang tính xã hội rõ nét. Sống trong những tập thể, những nhóm xã hội khác nhau, học sinh ở lứa tuổi này có tính tự lập cao hơn, biết được lợi ích của việc mình làm cho